

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/DS-PT

Ngày 22/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Hữu Truyền

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Anh Tuấn

Bà Lý Thị Thúy

- Thư ký phiên toà: Lý Bích Ngọc -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TH

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh TH tham gia phiên toà: bà Dương Thị Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 22/01/2026 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh TH mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 173/2025/TLPT-DS, ngày 10/11/2025 về tranh chấp quyền về lỗi đi qua bất động sản liền kề do Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2025/DS-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 1, TH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 215/2025/QĐ-PT, ngày 05 tháng 12 năm 2025 của TAND tỉnh TH giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: 1. Ông Trịnh Văn K, sinh năm 1965. Có mặt

2. Ông Vũ Đình T, sinh năm 1969. Có mặt

Cùng địa chỉ: xóm K, xã T, tỉnh TH.

* Bị đơn: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1967; Địa chỉ: xóm K, xã T, tỉnh TH.
Có mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976 (vợ của ông Vũ Văn H). Có mặt

2. Bà Chu Thị N, sinh năm 1966 (vợ của ông K). Có mặt

3. Bà Dương Thị T1, sinh năm 1974. Vắng mặt

4. Ông Vũ Văn S, sinh năm 1964. Có mặt

Cùng địa chỉ: xóm K, xã T, tỉnh TH. Có mặt

5. UBND xã T, tỉnh TH

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K1 – Trưởng phòng kinh tế. Vắng mặt, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Bà Nguyễn Thị Thanh N1 thuộc Văn phòng L – Đoàn luật sư tỉnh T. Có mặt

* Người làm chứng: Bà Vũ Thị M – trưởng xóm K, xã T, tỉnh TH. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nguyên đơn ông T trình bày: gia đình ông có thửa đất số 48 tờ bản đồ số 03 diện tích 770m², loại đất trồng cây hàng năm tại xóm K, xã T, huyện P, tỉnh TH, thửa đất này gia đình ông canh tác và sử dụng từ năm 1981 cho đến nay từ đường nhánh của xóm K đến thửa đất số 48 có 01 lối đi chung của xóm nằm giáp với thửa đất số 56 tờ bản đồ địa chính số 3 (theo bản đồ số F48) từ đường nhánh của xóm K đến thửa đất số 48 có 01 lối đi chung của xóm nằm giáp với thửa đất số 56 tờ bản đồ số 3 (bản đồ F48) của gia đình ông Vũ Văn H, lối đi này gia đình ông và nhiều người trong xã T đã đi từ rất lâu.

Đến tháng 3/2024 thì gia đình ông Vũ Văn H cho rằng lối đi này là đất của gia đình ông H, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông H nên ông đã rào lối đi này lại không cho nguyên đơn và những người trong xã đi, ông yêu cầu ông H phải dỡ bỏ rào, nhổ cây để cho gia đình ông và mọi người trong xã đi nhưng ông H không nghe.

Ông khởi kiện yêu cầu đề nghị Tòa án buộc gia đình ông H phải tháo dỡ toàn bộ rào chắn, chặt bỏ toàn bộ cây cối mà gia đình ông H đã trồng vào lối đi để nguyên đơn và mọi người trong xã đi lại thuận lợi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà T1 nhất trí với lời khai, bà nhất trí với ý kiến của ông T2, bà không có ý kiến gì thêm.

2. Nguyên đơn ông Trịnh Văn K trình bày: Gia đình ông K có thửa đất số 01 tờ bản đồ số 12 tờ bản đồ số 422b/1, diện tích 5.500m² loại đất rừng RTS tại xóm K, xã T, tỉnh TH.

Thửa đất này gia đình ông đã sử dụng và canh tác từ năm 1981 đến nay, từ đường nhánh của xóm K đến thửa số 12 của gia đình ông có 01 lối đi chung của xóm nằm giáp với thửa đất số 56 tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ F48) của gia đình ông Vũ Văn H, lối đi này ông K và những người trong xã T làm lối đi lại.

Đến tháng 3/2024 thì gia đình ông Vũ Văn H cho rằng lối đi này là đất của gia đình ông H, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông H nên ông đã rào lối đi này lại không cho nguyên đơn và những người trong xã đi, ông yêu cầu ông H phải dỡ bỏ rào, nhổ cây để cho gia đình ông và mọi người trong xã đi nhưng ông H không nghe.

Ông khởi kiện yêu cầu đề nghị Tòa án buộc gia đình ông H phải tháo dỡ toàn bộ rào chắn, chặt bỏ toàn bộ cây cối mà gia đình ông H đã trồng vào lối đi để nguyên đơn và mọi người trong xã đi lại thuận lợi.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị N (vợ của ông K): nhất trí với ý kiến của ông K.

3. Bị đơn ông Vũ Văn H trình bày: Gia đình ông có 01 thửa đất số 83 tờ bản đồ địa chính xã T diện tích 1.798,5m² loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây hàng năm; thửa số 59 diện tích 1542,2m², nguồn gốc đất của bố mẹ ông cho ông H từ năm 1996, gia đình ông ở từ đó đến nay, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 02 thửa đất này giáp với khu đất bãi chè, đất rừng của ông Vũ Đình T, còn khu đất bãi chè, đất rừng của ông Trịnh Văn K nằm sâu ở bên trong.

Từ năm 1996, gia đình ông có mở 01 con đường mòn đi cạnh thửa đất số 83 của gia đình ông để tiện cho việc canh tác ruộng ở gần con đường này. Do đó ông T, ông K và mọi người trong xã cũng đi nhờ con đường này của gia đình ông để vào hái chè và chăm sóc rừng của gia đình hai ông.

Năm 2023, ông T đi thăm bãi chè của nhà ông, khi đi qua nhà ông, ông T lại chém chết chó của nhà ông nhưng không có lời xin lỗi với ông. Do đó ông không cho ông T, ông K đi nhờ con đường do gia đình ông mở nữa nên ông T, ông K đã làm đơn kiện ông với ông Vũ Văn S đến UBND xã T, huyện P, tỉnh TH vì hai ông cho rằng con đường do ông mở ra năm 1996 là lối đi chung của cả xóm. Quá trình hòa giải tại xóm cũng như tại UBND xã T, ông đều xác định con đường mà ông T, ông K đang tranh chấp với gia đình ông là nằm trên đất của gia đình ông. Nên sự việc hòa giải không thành.

Nay ông T, ông K kiện ông đến Tòa án nhân dân huyện Phú Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - TH), về việc tranh chấp con đường do gia đình ông mở ra năm 1996 đi vào khu đất của gia đình hai ông, ông vẫn xác định con đường này là của gia đình ông mở, con đường này nằm trên đất của gia đình ông. Do đó ông không đồng ý cho ông K, ông T đi.

4. Theo bản tự khai và lời khai tại phiên tòa của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn S: Ông là anh trai của ông Vũ Văn H, sinh năm 1967. Năm 1996, gia đình ông Vũ Văn H ra ở riêng được bố mẹ ông có cho một thửa đất (ông không rõ số thửa bao nhiêu). Thửa đất của gia đình ông H giáp với thửa đất số 68 của gia đình ông, thửa đất số 68 là do ông mua lại của gia đình ông Vũ Văn C, bà Trịnh Thị Á (ông C là em trai ông, bà Á là em gái ông K). Sau này, ông có làm một con đường trên thửa đất số 68 của gia đình ông để anh em có lối đi chung, đồng thời gia đình ông H có lối đi lên thửa đất của gia đình ông.

Khoảng năm 2000, gia đình ông H có mở 01 con đường mòn cạnh thửa đất của gia đình ông H để tiện cho việc canh tác ruộng ở gần con đường này. Gia đình ông K, ông T trước đây không có lối đi lên khu đất đất bãi chè, đất rừng mà phải đi theo lối bờ ruộng. Do đó ông T, ông K không có lối đi nên cùng đi nhờ con đường này của gia đình ông H để vào hái chè và chăm sóc rừng của gia đình hai ông. Để đi được lên con đường mòn cạnh thửa đất của gia đình ông H thì ông K,

ông T phải đi qua đất của gia đình tôi. Gia đình ông có 03 thửa đất là thửa đất số 16, thửa đất số 21, thửa đất số 23, loại đất rừng (RTS), cùng tờ bản đồ số 422b/1 tại xóm K, xã T, huyện P, tỉnh TH, được UBND huyện P cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN 356 QSDĐ ngày 02/10/2000. Ba thửa đất này giáp với khu đất bãi chè, đất rừng của ông Trịnh Văn K, tuy nhiên gia đình nhà ông K đã chiếm phần diện tích đất rừng của gia đình ông (được xác định từ bãi chè nhà ông K lên đỉnh).

Đến năm 2023, ông T đi thăm bãi chè của nhà ông, khi đi qua nhà ông H thì ông T lại chém chết chó của nhà ông H nhưng không có lời xin lỗi, do đó gia đình ông H không cho ông T, ông K đi nhờ con đường do gia đình ông H mở nữa nên ông T, ông K đã làm đơn kiện ông với ông H đến UBND xã T, huyện P, vì hai ông cho rằng con đường do ông H mở ra năm 2000 là lối đi chung của cả xóm.

Năm 2024 ông K đã mang 4.000.000 đồng đến nhà ông để yêu cầu gia đình ông giải quyết cho ông 01 lối đi lên khu đất bãi chè, đất rừng của gia đình ông K. Ông yêu cầu gia đình ông K phải trả lại cây và phần diện tích đất rừng gia đình ông K đã lấn chiếm cho gia đình ông, tuy nhiên ông K không đồng ý.

Quá trình hòa giải tại xóm cũng như tại UBND xã T, ông và ông H đều xác định con đường mà ông T, ông K đang tranh chấp với gia đình ông H là nằm trên đất của gia đình ông H. Nên sự việc hòa giải không thành. Nay ông T, ông K khởi kiện ông Vũ Văn H đến Tòa án nhân dân huyện Phú Bình (nay là Tòa án nhân khu vực 1 – TH) về việc tranh chấp con đường do gia đình ông H mở ra năm 2000 đi vào khu đất của gia đình hai ông, thì ông xác định con đường này là của gia đình ông Vũ Văn H mở, con đường này nằm trên đất của gia đình ông H. Ông xác định con đường này không nằm trên đất của gia đình ông, tuy nhiên để đi được lên con đường mòn của gia đình ông H thì ông K, ông T phải đi qua đất của gia đình ông.

5. Theo bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của UBND xã T:

Tháng 4/2024, UBND xã T, huyện P nhận được đơn đề nghị hòa giải của hộ ông Vũ Đình T, sinh năm 1969 và ông Trịnh Văn K, sinh năm 1965 đối với hộ ông Vũ Văn H; Điều trú tại: Xóm K, xã T, huyện P, tỉnh TH về việc hộ ông H rào chắn, trồng cây trên lối đi chung của xóm K, xã T không cho hai hộ ông Vũ Đình T có thửa đất số 48, tờ bản đồ số 03, diện tích 770m²; ông Trịnh Văn K có thửa đất số 12, tờ bản đồ số 422b/1, diện tích 5.500m² nằm ở phía trong thửa đất của gia đình ông H. Ông H không cho ông T, ông K đi vào hai thửa đất của hai ông để canh tác. Ủy ban nhân dân xã T đã báo gọi ông T, ông K, ông H đến UBND xã hòa giải theo quy định của pháp luật, tại buổi hòa giải ông H xác định đường đi vào thửa đất của gia đình ông T, ông K hiện là đất của gia đình ông H, đã được cấp vào GCNQSD đất của gia đình ông nên không đồng ý dỡ rào chắn, nhổ cây đã trồng vào lối đi đang có tranh chấp để cho gia đình ông T, ông K đi vào canh tác trên hai thửa đất của gia đình hai ông. Sau khi rà soát hồ sơ, xem lại bản đồ F48 đo vẽ năm 1993 - 1994, bản đồ địa chính xã T. Ủy ban nhân dân xã T xác định đường đi từ đường liên xóm đi qua rìa thửa đất nhà ông H vào hai thửa đất của ông T, ông K và các hộ có đất phía trong hiện là đất công do UBND xã T

quản lý, lối đi này không nằm trong GCNQSD đất của gia đình ông H. Nên tại buổi hòa giải, Ủy ban nhân dân xã T đã yêu cầu gia đình ông H phải dỡ rào chắn, di chuyển cây đã trồng trên lối đi chung là đất công để cho hộ ông T, ông K và các hộ dân đi. Tuy nhiên ông H không đồng ý với kết luận của Chủ tịch Hội đồng hòa giải xã T, không đồng ý dỡ rào chắn, di chuyển các cây do gia đình ông H trồng trên phần đất công do gia đình ông chiếm giữ.

Nay hộ ông T, ông K kiện hộ ông H đến Tòa án nhân dân huyện Phú Bình (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - TH) về việc tranh chấp quyền về lối đi thì quan điểm của UBND xã T xác định lối đi từ đường liên xã đi qua rìa đất nhà ông H vào các thửa đất của ông T, ông K là đất công, do UBND xã quản lý. Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - TH) buộc gia đình ông H phải dỡ rào chắn, di chuyển toàn bộ cây mà gia đình ông H đã trồng trên phần lối đi là đất công để cho gia đình ông T, ông K và nhân dân đi vào phía trong để thuận lợi cho việc canh tác.

6. Theo lời khai của bà Vũ Thị M1 - Trưởng xóm K, xã T: Bà về sinh sống tại xóm K, xã T, huyện P, tỉnh TH từ năm 1986. Đến năm 2013, bà được bầu làm trưởng xóm và Bí thư chi bộ xóm từ năm 2015 đến nay. Tuy nhiên gia đình bà ở đầu xóm K, còn gia đình ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị Q ở tận cuối xóm nên ít khi bà vào khu vực này kiểm tra. Nhưng bà cũng được biết phía sau đất gia đình ông H có đất của gia đình ông T, ông K và một số gia đình khác nữa. Hộ ông K, ông T có canh tác trồng chè, trồng keo tại các thửa đất của hai ông. Còn lối đi mà ông K, ông T và một số hộ khác vẫn đi chăm sóc cây và thu hoạch chè thì bà cũng không nắm được là đất của gia đình ông H, bà Q hay là lối đi nằm trên phần đất công do UBND xã T quản lý.

Đến đầu năm 2024, ông K và ông T có đơn khiếu nại đến UBND xã T, huyện P yêu cầu giải quyết việc gia đình ông H, bà Q trồng keo, rào chắn lối đi mà hai ông cùng các hộ khác có đất phía sau đất của gia đình ông H, không cho các hộ này đi vào chăm sóc chè, keo. Ủy ban nhân dân xã T đã chỉ đạo bà và các ban ngành của xóm Kê báo gọi ông T, ông K với gia đình ông H đến nhà văn hóa xóm Kê để hòa giải, trên tinh thần đề nghị gia đình ông H, bà Q tạo điều kiện cho các hộ có đất phía sau đất của gia đình ông H đi vào để chăm sóc và thu hoạch. Tuy nhiên gia đình ông H, bà Q không đến tham gia hòa giải. Sau đó bà đã đến nhà ông H, bà Q để mời gia đình ông H đến hòa giải lần hai thì ông H cho rằng không có lối đi là đất công đi qua đất gia đình nhà ông ấy.

Sau đó bà chuyển toàn bộ hồ sơ của xóm lên UBND xã T để giải quyết, UBND xã T đã mời ông T, ông K, ông H lên U. Tại buổi hòa giải tại UBND xã T thì bà cũng có tham gia, tại buổi hòa giải ông H khẳng định trước đây chỉ có một lối đi nhỏ đi qua đất của gia đình ông, các hộ có đất ở phía trong vẫn đi qua lối đi này từ trước đến nay, ông H cho rằng lối đi này nằm trong đất của gia đình nhà ông, ông chỉ cho các hộ có đất phía trong đất của gia đình ông đi nhờ. Việc ông T, ông K cho rằng có lối đi là đất công đi qua đất nhà ông H là không đúng, ông khẳng định có con đường đi qua nhà ông nhưng là đường nằm trên đất của gia đình ông, không phải là đất công.

Bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Bình (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - TH), căn cứ vào các tài liệu đang lưu trữ tại UBND xã T, huyện P xem xét lối đi mà các hộ đang có tranh chấp có phải là đất công do UBND xã T quản lý không. Nếu đúng là có con đường là đất công do UBND xã T quản lý thì phải buộc gia đình ông H, bà Q trả lại con đường này để bà con có đất ở phía trong lấy lối đi vào chăm sóc cây trồng trong đó. Còn nếu đúng là đất của gia đình ông H, bà Q thì bác đơn khởi kiện của ông T, ông K trả lại đất cho gia đình ông H, bà Q sử dụng.

- Tại biên bản thẩm định ngày 03/6/2025, do Tòa án nhân dân huyện Phú Bình cùng với chính quyền địa phương xã T, tỉnh TH đã xác định: Lối đi vào các thửa đất số 48, tờ bản đồ số 3 của gia đình ông Vũ Đình T và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 422b/1 của gia đình ông Trịnh Văn K. Lối đi này giáp với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 3 (Nay là thửa đất số 83, tờ bản đồ số 6) của gia đình ông Vũ Văn H tại xóm K, xã T, tỉnh TH. Về tài sản trên phần diện tích lối đi đang có tranh chấp gồm 28 cây keo, phi 15 trồng năm 2022; 02 trụ cổng bê tông cao khoảng 02 mét, kích thước: 15 x 15 x 15 x 15 (cm); 02 cánh cổng lưới sắt, kích thước 04 cạnh: 1,5m x 1,5m x 1,5m x 1,5m; 01 hàng rào lưới sắt chiều dài 30 mét, chiều cao 1,6 mét.

- Tại bản vẽ hiện trạng do Công ty cổ phần T4 và Xây dựng số 6 đo đạc đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 3 (Nay là thửa đất số 83, tờ bản đồ số 6), của gia đình ông Vũ Văn H có diện tích theo hiện trạng là 1.653,7m²; Lối đi có tranh chấp giữa gia đình ông Vũ Đình T, ông Trịnh Văn K với gia đình ông Vũ Văn H có diện tích theo bản đồ địa chính xã T là 232,8m², qua các điểm trên sơ đồ là:

+ Đoạn số 1 thuộc đường là lối đi tranh chấp: 28, 29, 1, 30, 28 = 3,8m².

+ Đoạn số 2 thuộc đường là lối đi tranh chấp: 13, 14, 15, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 31, 24, 25, 32, 33, 13 = 229m².

- Tại biên bản định giá tài sản ngày 09/9/2025 do Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân Khu vực 1 - TH thành lập xác định: Đối với diện tích đất là lối đi đang có tranh chấp giữa gia đình ông T, ông K với gia đình ông H có diện tích 232,8m², theo bản đồ F48 đo vẽ năm 1993 xác định là đất công nên không định giá; về tài sản trên đất có 28 cây Keo phi 15, trồng năm 2022 có giá 50.780đ/cây x 28 cây = 1.421.840đ; Đối với các trụ cổng bê tông, 02 cánh cổng lưới sắt, 01 hàng rào lưới sắt các bên đương sự không yêu cầu định giá nên hội đồng định giá không tiến hành định giá các tài sản trên.

Tại Bản án dân sự số 85/2025/DSST, ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- TH đã áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 248, 254, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, 236 Luật đất đai năm 2024; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí toà án; điểm b, đ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình T và ông Trịnh Văn K. Buộc ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm trả lại 232,8m² đất nằm trong bản đồ địa chính xã T (Bản đồ F48 đo vẽ năm 1993) là lối đi thuộc đất công cho nhân dân xóm K, xã T, tỉnh TH làm lối đi lại, cụ thể theo bản vẽ hiện trạng do Công ty cổ phần T4 và Xây dựng số 6 đo đạc tháng 6 năm 2025 là các điểm, cụ thể:

+ Đoạn số 1 thuộc đường là lối đi tranh chấp: 28, 29, 1, 30, 28 = 3,8m².

+ Đoạn số 2 thuộc đường là lối đi tranh chấp: 13, 14, 15, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 31, 24, 25, 32, 33, 13 = 229m² (Có sơ đồ kèm theo).

2. Buộc ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm đi dòi 28 cây keo phi 15, trồng năm 2022; 02 trụ cổng bê tông, kích thước: 15 x 15 x 15 x 15 (cm); 02 cánh cổng lưới sắt, kích thước 04 cạnh: 1,5m x 1,5m x 1,5m x 1,5m; 01 hàng rào lưới sắt chiều dài 30 mét, chiều cao 1,6 mét ra khỏi khu vực lối đi chung theo bản vẽ hiện trạng do Công ty cổ phần T4 và Xây dựng số 6 đo đạc.

3. Về án phí: Buộc ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ án phí DSST nộp vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả cho ông Vũ Đình T 300.000đ, ông Trịnh Văn K 300.000đ tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh TH (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - TH) theo biên lai số 0001701 ngày 27/11/2024 đối với ông T và biên lai số 0001700 ngày 27/11/2024 đối với ông K.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị Q phải có trách nhiệm trả cho ông Vũ Đình T số tiền 6.250.000đ; trả cho ông ông Trịnh Văn K số tiền 6.250.000đ tiền chi phí tố tụng cho việc đo đạc, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp.

Ngoài ra án sơ thẩm có tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định

Ông Vũ Văn H kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh TH giải quyết lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đình T, ông Trịnh Văn K và lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông (Tòa án nhân dân khu vực 1 – TH nhận được ngày 14/10/2025).

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: về thành phần hòa giải tại UBND xã T không đầy đủ theo quy định của Luật đất đai và trên thực tế không có lối đi chung, chỉ lối đi vào nhà ông H, trên bản đồ từ năm 1993 – 1999 thể hiện có lối đi nhưng là lối đi vào nhà của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người làm chứng là bà M1 cũng không nắm được lối đi là của hộ gia đình hay đất công.

Tại phiên tòa ông H, ông S trình bày là lối mòn đi lại rộng khoảng 70cm, trong quá trình quản lý thì ông H, ông S mới mở rộng để đi lại, không phải lối đi chung của X.

Tại phiên tòa viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm dân sự số 85/2025/DSST, ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- TH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông H trong thời hạn quy định và có nộp án phí được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án: xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ biên bản làm việc ngày 21/5/2025 (BL 84-86) tại UBND xã T cung cấp thông tin: căn cứ bản đồ F48, điểm đầu và cuối của lối đi có tranh chấp, trong đó:

+ Phía bên trái tiếp giáp các thửa đất số 71, 68, 54, 53, 52, 49, 47, 43 tờ bản đồ địa chính số 3.

+ Phía bên phải tiếp giáp với các thửa đất số 67, 56, 137, 48, 42 tờ bản đồ địa chính số 3

Điểm cuối của lối đi có tranh chấp:

+ Phía bên trái tiếp giáp với thửa đất số 43 tờ bản đồ số 3

+ Phía bên phải giáp với thửa đất số 42 tờ bản đồ số 3.

Trong đó thửa đất số 56 tờ bản đồ số 3 là của ông Vũ Văn H UBND xã T xác định lối đi chung này là đất công do UBND xã T quản lý đi từ đường liên xóm đi qua rìa thửa đất của ông H không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông H và quá trình hòa giải UBND xã đã yêu cầu gia đình ông H phải tháo dỡ rào chắn, di chuyển cây trồng trên lối đi chung là đất công để cho hộ ông T, ông K và các hộ dân đi.

Lời khai của ông Vũ Văn S là anh trai ruột của bị đơn xác nhận có con đường nhỏ sau đó gia đình nhà ông H có mở rộng thành đường đi lại to hơn, ông Vũ Văn S trình bày năm 2024 có việc mâu thuẫn giữa gia đình ông T và gia đình bị đơn ông Vũ Văn H nên ông H đã rào lối đi này lại, bản thân ông H cũng xác nhận có lối đi lại chung tuy nhiên sau này gia đình ông H có mở rộng đường để các hộ đi lại.

Từ các căn cứ này, Hội đồng xét xử nhận định có lối đi chung để của hộ ông T, ông K và các hộ khác canh tác đối với thửa đất.

Xét thấy từ bản đồ F48 được lập năm 1993 đã có lỗi đi chung, do vậy khi giải quyết xác định vị trí lỗi đi chung, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ bản đồ F48 và bản đồ địa chính lập năm 2019 (BL số 79) để xác định lỗi đi chung và chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm bị đơn không cung cấp thêm được các căn cứ mới, không có sở sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TH đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, bị đơn ông Vũ Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001415 – ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh TH.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Vũ Văn H giữ nguyên bản án sơ thẩm số 85/2025/DS-ST, ngày 29/9/2025 của TAND khu vực 1 – TH

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Vũ Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền: 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001415 – ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh TH.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

